

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LIÊU
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2024

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lục Thanh Bình.

2. Bà Sái Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Văn Biên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lý Thị N, sinh năm: 1994; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Hoàng Văn C, sinh năm: 1992; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2024, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn chị Lý Thị N trình bày: chị N và anh Hoàng Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2012 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Sau kết hôn vợ chồng chị N ở riêng tại thôn Đ, xã H. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C ham mê cờ bạc, thường xuyên lấy tiền nhà, tiền của chị N làm ra đi đánh bạc, cầm cố cả xe máy, không quan tâm đến vợ con. Dù chị N đã góp ý để anh C sửa đổi, bỏ cờ bạc, quan tâm đến gia đình hơn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Đầu năm 2020, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị N bỏ về nhà mẹ

để, vợ chồng ly thân kể từ đó đến nay, anh C có gọi điện bảo chị N về nhà nhưng chị không chấp nhận. Đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho chồng đã hết nên chị N giữ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Hoàng Văn C

Về con chung: chị N và anh C có 01 con chung là: Hoàng Đức M, sinh ngày 28/6/2015 hiện đang ở cùng anh C. Chị N và anh C thỏa thuận giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị N tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, tại phiên hòa giải và tại phiên toà, bị đơn anh Hoàng Văn C trình bày: quá trình tìm hiểu và kết hôn như những gì chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh ở chung với mẹ anh C khoảng 02 năm, sau đó ra ở riêng tại thôn Đ, xã H. Quá trình chung sống giữa vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn lớn. Cuối năm 2019, vợ anh C đi làm công ty, vợ chồng ít liên lạc dần, sau đó là ngừng liên lạc hẳn. Chị N không liên lạc về với bố con anh C, cũng không gửi tiền về hỗ trợ nuôi con. Tết âm lịch năm 2019 (đầu năm 2020), chị N về ăn Tết sau đó bỏ đi luôn, không về nữa, cũng không liên lạc với chồng con. Do anh C không rõ lý do chị N bỏ đi nên anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, cũng không đi tìm do không liên lạc được, không biết chị N đang ở đâu. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý do chị N tự ý đơn phương yêu cầu ly hôn mà không trao đổi với anh.

Về con chung: anh C xác nhận anh và chị N có 01 con chung là: Hoàng Đức M, sinh ngày 28/6/2015 hiện đang ở cùng anh C. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý với đề nghị của chị N về việc giao con chung cho anh nuôi dưỡng, chị N tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi con chung thành niên.

Qua xác minh ở nơi cư trú thể hiện: chị N và anh C đều đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh và có nghề nghiệp là lao động tự do. Quá trình vợ chồng chị N anh C chung sống, thôn không nắm được tình hình mâu thuẫn. Khoảng đầu năm 2020 thì chị N bỏ đi đến nay không thấy quay về nhà với chồng con. Do vợ chồng chị N, anh C chưa yêu cầu hòa giải nên thôn cũng chưa tiến hành hòa giải.

Tại phiên Tòa hôm nay, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu có quan điểm:

I. Về tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng quy định khoản 2 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giao các thông báo, quyết định tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát, tổng đạt các thông báo, quyết định về tố tụng cho các đương sự đảm bảo đầy đủ, đúng thời hạn quy

định.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ quy định tại các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị N về việc ly hôn với anh Hoàng Văn C, giao con chung là cháu Hoàng Đức M cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị N tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: về quan hệ tranh chấp, chị Lý Thị N khởi kiện xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn anh Hoàng Văn C có địa chỉ nơi cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bình Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Lý Thị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị N và anh Hoàng Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo luật định, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị N anh C đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do do anh C ham mê cờ bạc, thường xuyên lấy tiền nhà, tiền của chị N làm ra đi đánh bạc, cầm cố cả xe máy, không quan tâm đến vợ con. Dù chị N đã góp ý để anh C sửa đổi, bỏ cờ bạc, quan tâm đến gia đình hơn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm nhau nữa, từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh C không thừa nhận việc có mâu thuẫn vợ chồng nhưng xác

nhận việc vợ chồng ly thân kể từ năm 2020 đến nay, không liên lạc và quan tâm đến nhau. Anh C không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, cũng không tìm hiểu lý do chị N bỏ đi và chị N đang ở đâu.

Xét thấy, chị N và anh C ly thân đã lâu, vợ chồng không liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa; tại phiên tòa anh C đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị N. Do vậy, chị Lý Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh C; giao con chung Hoàng Đức M, sinh ngày 28/6/2015, cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị N tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên. Xét thấy, thỏa thuận giữa chị N và anh C là tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với nguyện vọng của cháu Mạnh, và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn của chị Lý Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lý Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn C.
2. Về con chung: giao con chung Hoàng Đức M, sinh ngày 28/6/2015 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng cho con chung: ghi nhận chị Lý Thị Nga tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.
4. Về án phí: chị Lý Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi

con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 0005336 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Liêu; chị N còn phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Liêu;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã H, huyện Bình Liêu;
- Chi cục T.H.A D.S huyện Bình Liêu;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Ngọc Hải